

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/HNGĐ – ST
Ngày 06 - 9 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái.

Ông Nguyễn Nghĩa Quy.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 4 năm 2019 và những lời khai tiếp theo trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Kim C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N kết hôn ngày 20 tháng 6 năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện. Sau đó, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh N ở thôn T, xã B,

huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng anh chị vẫn hòa thuận. Đến năm 2018 thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Nguyên nhân là do, anh N không chín chu làm ăn, chơi bời, không quan tâm, chăm sóc gia đình; anh N đã đuổi chị ra khỏi nhà từ tháng 12 năm 2018 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm với anh N không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, chị tha thiết xin được ly hôn anh N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2017; hiện nay cháu Đ đang sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đ; chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn N: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập anh N rất nhiều lần; thậm chí để vụ án được giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án đã gửi công văn nêu rõ nội dung vụ án để anh N đến Tòa trực tiếp trình bày ý kiến của mình về từng vấn đề, nội dung cụ thể theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị C. Anh N đã được biết về việc chị C có đơn khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết con chung là cháu Trần Tiến Đ nhưng anh N không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đến Tòa án.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã, huyện B cho biết: Chị Trần Thị Kim C và anh Trần Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 20 tháng 6 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng anh N và chị C chung sống cùng nhà anh N ở thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu thấy anh chị hòa thuận, khoảng năm 2018 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng cãi nhau; chị C đã một, hai lần đến Ủy ban xã hỏi và đề nghị hướng dẫn làm thủ tục ly hôn anh N, địa phương đã khuyên giải sau đó thấy anh chị sống cùng nhau được thời gian, đến khoảng tháng 3 năm 2019 chị C lại đến hỏi thủ tục ly hôn, Ủy ban đã hướng dẫn chị C đến Tòa án. Còn nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do đâu thì địa phương cũng không nắm rõ được.

Qua việc giao, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N được biết hiện tại anh N đang đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà nên anh N không trực tiếp nhận văn bản mà người nhà anh N là ông Trần Văn Y là bố đẻ anh N nhận thay. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Y, ông Y khẳng định đã giao và thông báo cho

anh N và anh N đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị C.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị C đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Thị Kim C được ly hôn anh Trần Văn N; giao con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2017 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C vì chị C không yêu cầu; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Kim C khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn N và đề nghị được nuôi dưỡng con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh N hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Trần Văn N đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn là chị Trần Thị Kim C khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc anh N cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B và lời khai của chị Trần Thị Kim C thể hiện chị Trần Thị Kim C và anh Trần Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B,

huyện B ngày 20 tháng 6 năm 2016, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh N là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, anh N không tu chí làm ăn nên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị C đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh N không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N, nếu Tòa án không cho chị ly hôn với anh N chị cũng không thể về đoàn tụ với anh N được. Quá trình giải quyết vụ án, anh N đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập, công văn của Tòa án, nội dung Công văn nêu rõ “Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, nếu anh N nhớ không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì thì coi như anh đã đồng ý toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện và Tòa án sẽ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn” nhưng anh N vẫn không đến Tòa án làm việc hay gửi văn bản nêu rõ ý kiến, quan điểm của mình, như vậy có thể hiểu rằng anh N đã đồng ý với toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện. Xét, cuộc sống chung giữa chị C và anh N không thể tiếp tục vì anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình theo qui định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

Về nuôi con chung: Chị C và anh N có một con chung là cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2017. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Đ vẫn sống cùng chị C. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa chị C tha thiết xin được nuôi con và chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt; mặt khác hiện tại cháu Đ còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ, do vậy cần giao cháu Đ cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị C vì chị C không yêu cầu nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong thời gian chị C chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ mà không đảm bảo được cuộc sống cho cháu thì anh N có quyền làm đơn đề nghị thay đổi về người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản: Chị C không đề nghị Tòa án giải quyết, anh N vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim C được ly hôn anh Trần Văn N.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Tiến Đ, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2017 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Trần Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003420 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên; chị C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND xã B, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Lan